

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày 16-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Tuyết;

Ông Nông Đức Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST/HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/HSST- QĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn K, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1974, tại xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Lê Thị S (đã chết); có vợ là Hà Thị T, sinh năm 1975 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn K: Ông Hoàng N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bé Văn H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1981, tại xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Q, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Văn V, sinh năm 1944 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1946; có vợ là Hoàng Thị A, sinh năm 1983 và 02 con;

tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Có mặt.

3. Vi Văn C, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1988, tại xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn Đ, sinh năm 1960 và bà Bé Thị H, sinh năm 1961; có vợ là Sái Thị H, sinh năm 1991 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 595/QĐ-XPVPHC, ngày 07/10/2015 của Hạt kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 7.500.000 đồng về hành vi Cắt giữ lâm sản trái với các quy định của Nhà nước (đã được xóa tiền sự); bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021 đến ngày 08/11/2021 được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh. Có mặt.

4. Bé Văn Q, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1972 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bé Văn V, sinh năm 1944 và bà Đặng Thị B, sinh năm 1946; có vợ là Bé Thị T, sinh năm 1976 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021 đến ngày 25/10/2021 được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh. Có mặt.

5. Bé Văn T, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1994 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Văn N, sinh năm: 1971 và bà Vi Thị T, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Có mặt.

6. Bé Văn C, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1979 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Xuân H, sinh năm 1953 và bà Lý Thị V, sinh năm 1950; có vợ là Lộc Thị L, sinh năm 1985 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Có mặt.

7. Bé Văn H1, sinh ngày 25 tháng 12 năm 1974 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Tuấn V, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thị V, sinh năm: 1951; có vợ là Nông Thị H, sinh năm 1985 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành

chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Có mặt.

8. Hoàng Văn T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1978 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn K (Đã chết) và bà Nông Thị H, sinh năm 1953; có vợ là Đinh Thị H, sinh năm 1980 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Có mặt.

9. Bé Văn C1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1990 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bé Văn T, sinh năm: 1955 và bà Sầm Thị T, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021 đến ngày 24/11/2021 được áp dụng biện pháp Bảo lĩnh. Có mặt.

10. Bé Văn Đ, sinh ngày 14 tháng 7 năm 1987 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bé Xuân H, sinh năm: 1953 và bà Lý Thị V, sinh năm 1950; có vợ là Phương Thị H, sinh năm 1990 và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021 đến nay. Có mặt.

11. Phan Văn N, sinh ngày 29 tháng 3 năm 1983 tại: xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn P, sinh năm 1946 và bà Hoàng Thị Hồng H, sinh năm 1948; có vợ là Chu Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không bị kết án, không bị xử phạt hành chính, không bị xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/10/2021. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn T1. Vắng mặt.
2. Ông Bé Văn C2. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 15/10/2021 Lê Văn K, Bé Văn H1, Bé Văn T ăn cơm và uống rượu tại nhà Hoàng Văn T. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Lê Văn K, Bé Văn H1, Bé Văn T và Hoàng Văn T cùng nhau đi bộ đến nhà Lê Văn K là hàng xóm cạnh nhà Hoàng Văn T để uống nước. Tại nhà của Lê Văn K, có Bé Văn H1, Bé Văn T, Hoàng Văn T cùng nhau lấy bộ bài tú lơ khơ ra chơi đánh bạc bằng hình thức ba cây ăn tiền, sau đó có Bé Văn H, Bé Văn Q, Phan Văn N, Bé Văn C1, Vi Văn C cũng đến nhà Lê Văn K chơi, thấy có đánh bạc nên cùng tham gia đánh ba cây ăn tiền. Sau đó có Hoàng Văn T1, Bé Văn C2, Bé Văn C đến nhà Lê Văn K ngồi chơi uống nước.

Khoảng 21 giờ, những người chơi “ba cây” ăn tiền cùng rủ nhau chuyển sang chơi “xóc đĩa” ăn tiền, Lê Văn K vào chạn bếp của nhà mình lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, đặt trên chiếc bát trải sẵn giữa nhà Lê Văn K, dùng 04 quân vị cắt từ quân bài tú lơ khơ có 01 mặt màu trắng, 01 mặt màu xanh không rõ ai đã chuẩn bị để dùng chơi xóc đĩa ăn tiền. Những người chơi xóc đĩa gồm có Bé Văn H, Bé Văn H1, Bé Văn Q, Hoàng Văn T, Bé Văn T, Vi Văn C, Bé Văn C, Bé Văn C1, Phan Văn N trong đó Bé Văn H là người cầm cái xóc đĩa. Lê Văn K là chủ nhà đã thu tiền của những người chơi đánh bạc được số tiền 400.000 đồng và dùng số tiền này để tham gia đánh bạc. Sau đó có Bé Văn Đ cũng đến nhà Lê Văn K rồi cùng tham gia đánh bạc.

Các bị cáo đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa” và thỏa thuận cách chơi như sau: Người chơi chuẩn bị 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa, 04 quân vị hình tròn cắt từ lá bài tú lơ khơ có kích thước bằng nhau mỗi quân vị có 02 mặt trắng và xanh. Người cầm cái cho các quân vị lên đĩa, đẩy bát lên trên rồi dùng tay cầm lên xóc, sau khi xóc xong người cầm cái đặt xuống trước mặt để người chơi lựa chọn đặt cược tiền vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ, quy ước phía bên tay trái của người cầm cái là bên cửa lẻ, bên tay phải người cầm cái là cửa chẵn. Kết quả thắng, thua xác định như sau: Khi người cầm cái xóc đĩa mở bát có 04 quân vị hoặc 02 quân vị có cùng mặt màu trắng, hoặc cùng mặt màu xanh ngửa lên trên được gọi là chẵn và những người đặt cược tiền vào bên cửa chẵn thắng, bên cửa lẻ thua, nếu mở bát có 03 quân vị có cùng mặt màu trắng hoặc có cùng mặt màu xanh, được gọi là lẻ và những người đặt cược tiền vào bên cửa lẻ thắng, bên cửa chẵn thua. Người thắng là người đặt đúng cửa và nhận được số tiền thắng bạc tương ứng với số tiền đã đặt cược, người thua sẽ mất toàn bộ số tiền đặt cược và người chơi tự trả tiền thắng, thua bạc với nhau tại sới bạc. Quá trình chơi khi số tiền đặt cược bên chẵn và lẻ không bằng nhau thì phần dư sẽ có các hình thức xử lý như sau: Có người chơi sẽ nhận chịu trách nhiệm (còn gọi là cân) phần tiền dư với người chơi hai bên. Nếu người nhận cân số tiền đó thắng thì người đó nhận toàn bộ số tiền dư đó về, nếu thua thì người cân số tiền đó phải bỏ số tiền ra để trả cho những người thắng bằng số tiền dư đó. Trường hợp không có người cân số tiền dư thì những người đặt sau sẽ tự rút tiền về để số tiền của hai bên chẵn, lẻ bằng nhau. Quá trình chơi bạc không có ai làm nhiệm vụ thanh toán tiền thắng, thua bạc. Ngoài Lê Văn K thì không còn ai thu tiền hồ của người đánh bạc.

Các bị cáo cùng thực hiện hành vi đánh bạc trái phép liên tục từ khoảng 21 giờ 30 phút ngày 15/10/2021 đến 00 giờ 30 phút ngày 16/10/2021 thì bị Tổ công

tác của Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 4.500.000 đồng và thu trên người các bị cáo số tiền 6.170.000 đồng. Trong đó, Lê Văn K đã thu tiền của những người tham gia đánh bạc số tiền 400.000 đồng và sử dụng số tiền đã thu được để đánh bạc, khi bị bắt bị cáo đang thua bạc và giao nộp số tiền còn lại là 200.000 đồng; Bé Văn H sử dụng số tiền 200.000 đồng vào mục đích đánh bạc và thua hết; Bé Văn H1 mang theo số tiền 200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc, thắng bạc và giao nộp 900.000 đồng; Bé Văn C mang theo số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, thắng 1.000.000 đồng, cho Bé Văn Q vay 1.000.000 đồng để đánh bạc và giao nộp 500.000 đồng; Vi Văn C mang theo số tiền 2.650.000 đồng, cho Bé Văn C1 vay số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, sử dụng 2.450.000 đồng vào mục đích đánh bạc, thua bạc và đã giao nộp 2.000.000 đồng; Bé Văn C1 mang theo số tiền 200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và thua hết; Bé Văn Q mang theo số tiền 300.000 đồng, vay Bé Văn C số tiền 1.000.000 đồng, tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 1.300.000 đồng, bị cáo thắng bạc và đã giao nộp số tiền 1.330.000 đồng; Bé Văn T mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt đã giao nộp số tiền 1.000.000 đồng; Hoàng Văn T mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc và đánh thua, khi bị bắt còn 230.000 đồng; Phan Văn N sử dụng 90.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đánh thua và giao nộp số tiền 10.000 đồng; Bé Văn Đ sử dụng số tiền 150.000 đồng để đánh bạc, khi Công an bắt quả tang đã bỏ chạy và để lại tiền tại sới bạc.

Quá trình điều tra thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 4.500.000 đồng. Số tiền thu giữ trên người các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.170.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc là 10.670.000 đồng. Những tài sản thu giữ không liên quan đến việc phạm tội Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Đình Lập đã trả cho chủ sở hữu. Quá trình đánh bạc các bị cáo sử dụng 04 quân vị, tuy nhiên khi bắt quả tang chỉ tạm giữ 03 quân vị, còn 01 quân vị bị mất không truy tìm được. Vật chứng phục vụ cho việc đánh bạc, số tiền thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ của các bị cáo đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKSĐL ngày 30/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Lê Văn K về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Bé Văn H1, Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và thừa nhận đã được trả lại các tài sản là điện thoại, xe mô tô bị thu giữ, riêng bị cáo Lê Văn K chưa được trả lại tài sản là chiếc điện thoại và không có ý kiến gì về tài sản bị thu giữ. Đối với số tiền bị thu giữ các bị cáo đều không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc; các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Bé Văn H1, Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt chính:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm b khoản 1 Điều 322 điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Văn K từ 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù giam về tội Đánh bạc, từ 01 năm đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù giam về tội Tổ chức đánh bạc, tổng hợp hình phạt của hai tội từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 10 (mười) tháng tù giam. Được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 đối với Vi Văn C xử phạt Bé Văn H và Vi Văn C mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Bé Văn Q, Bé Văn C, Bé Văn T mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Án định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Văn T mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Bé Văn H1, Bé Văn C1 mức án từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Bé Văn C1 được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Bé Văn Đ, Phan Văn N mức án từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự đề nghị phạt bổ sung đối với các bị cáo Bé Văn H, Bé Văn C, Vi Văn C, Bé Văn C1, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn Đ, Phan Văn N mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Xét hoàn cảnh gia đình và kinh tế của các bị cáo Lê Văn K, Hoàng Văn T, Bé Văn H1 là hộ nghèo, hộ cận nghèo nên không đề nghị hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng, có họa tiết hoa, miệng đĩa có đường kính 18cm; 01 (một) bát sứ màu trắng, miệng bát có đường kính 11cm; 03 (ba) quân vị làm bằng bìa cứng, có một mặt màu trắng, một mặt có nhiều họa tiết màu xanh, các quân vị hình tròn có đường kính 02cm; 01 tấm bạt có nền màu trắng, một mặt có nhiều hình ảnh và màu sắc, có diện 2,65m x 1,9m;

Trả cho bị cáo Lê Văn K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đen, có số IMEI1: 35363850050229, số IMEI2: 35363850050237, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.670.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Văn K không có ý kiến tranh luận, các bị cáo còn lại đề nghị xem xét áp dụng mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Lê Văn K trình bày: Về tội danh, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lê Văn K về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội do lạc hậu, bị cáo là lao động chính, trình độ học vấn thấp, không hiểu biết pháp luật được quy định tại các điểm s, m khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt đối với tội Tổ chức đánh bạc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lê Văn K không có ý kiến gì, các bị cáo còn lại tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bào chữa cho bị cáo Lê Văn K và người làm chứng Hoàng Văn T1. Đối với người bào chữa đã gửi bản bào chữa cho Tòa án và tại phiên tòa bị cáo Lê Văn K đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Đối với người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Xét thấy, việc vắng mặt người bào chữa và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc

giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 291, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa và người làm chứng.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, vật chứng đã thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút ngày 15/10/2021 đến 00 giờ 30 phút, ngày 16/10/2021 Lê Văn K đã có hành vi chuẩn bị công cụ đánh bạc, sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình rồi thu tiền của những người đánh bạc và sử dụng số tiền thu được để trực tiếp tham gia đánh bạc; các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Bé Văn H1, Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa với tổng số tiền đánh bạc là 10.670.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định điểm b khoản 1 Điều 322 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Bé Văn H1, Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N đã phạm tội Đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy rằng hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Các bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo cũng đều nhận thức được việc đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa là một hình thức sát phạt nhau bằng tiền, việc làm này là vi phạm pháp luật nhưng với mục đích kiếm tiền bất hợp pháp cho bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Chính vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm mục đích giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời để đấu tranh phòng ngừa đối với loại tội phạm này.

[5] Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do nhiều bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm. Các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với tổng số tiền đánh bạc bị thu giữ và chịu trách nhiệm riêng với số tiền các bị cáo khai sử dụng vào mục đích đánh bạc nhưng không lấy lời khai của các bị cáo về số tiền sử dụng đánh bạc làm căn cứ duy nhất để đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án mà cần xem xét đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để quyết định hình phạt phù hợp với từng bị cáo.

[6] Bị cáo Lê Văn K là người chuẩn bị công cụ đánh bạc, sử dụng địa điểm của mình để thu số tiền 400.000 đồng của những người tham gia đánh bạc và sử dụng số tiền thu được trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc trái phép với các bị cáo

khác trong vụ án. Bị cáo vừa tổ chức đánh bạc vừa tham gia đánh bạc nên bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Từ những phân tích trên, cần cách ly bị cáo Lê Văn K ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo không có tính chuyên nghiệp, bị cáo là người có hoàn cảnh khó khăn, không biết chữ nên hiểu biết pháp luật còn có phần hạn chế. Do đó, chỉ cần áp dụng mức hình phạt đầu khung đối với bị cáo là phù hợp để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật và tự giác cải tạo tốt trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Bị cáo Bé Văn H là người cầm cái xóc đĩa từ đầu đến khi bị bắt và tham gia đánh bạc với số tiền 200.000 đồng. Mặc dù số tiền bị cáo tham gia đánh bạc không lớn nhưng bị cáo có vai trò tích cực, sau khi đánh bạc thua hết số tiền mang theo bị cáo vẫn tiếp tục cầm cái xóc đĩa cho các bị cáo khác chơi. Bị cáo Vi Văn C là người tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất, bị cáo mang theo 2.650.000 đồng rồi cho Bé Văn C1 vay 200.000 đồng và sử dụng 2.460.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Xét vai trò trong vụ án của bị cáo Bé Văn H và Vi Văn C là ngang nhau và có vai trò sau bị cáo Lê Văn K. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bé Văn H và Vi Văn C đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vi Văn C được Ban chấp hành Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lạng Sơn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc trong phong trào Thanh niên làm kinh tế giỏi và bị cáo tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 với số tiền 500.000 đồng do đó bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bé Văn H có mẹ là Đặng Thị B được Nhà nước chứng nhận danh hiệu “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ tổ quốc”, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến và bị cáo tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 với số tiền 1.000.000 đồng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt. Số tiền các bị cáo Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C sử dụng vào mục đích đánh bạc chỉ sau bị cáo Vi Văn C, trong đó bị cáo Bé Văn Q mang theo 300.000 đồng sau đó thua bạc và tiếp tục vay của Bé Văn C số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, tổng số tiền bị cáo Bé Văn Q sử dụng đánh bạc là 1.300.000 đồng. Bị cáo Bé Văn T sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Bé Văn C sử dụng số tiền 500.000 đồng, sau đó thắng bạc và cho Bé Văn Q vay 1.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Bé Văn Q có mẹ là Đặng Thị B được Nhà nước chứng nhận danh hiệu

“Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ tổ quốc”, Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen vì đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Bộ Tư lệnh Quân khu 1 chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, bị cáo tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 với số tiền 1.000.000 đồng; Bị cáo Bé Văn C tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 với số tiền 1.000.000 đồng; Bị cáo Bé Văn T là thành viên trong gia đình thờ cúng liệt sĩ; Do đó, các bị cáo Bé Văn Q, Bé Văn C, Bé Văn T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Các bị cáo Bé Văn H, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C là người có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành chính sách pháp luật. Bị cáo Vi Văn C đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cất giữ lâm sản trái với các quy định của Nhà nước từ năm 2015 đã được xóa tiền sự, tính đến ngày Vi Văn C phạm tội đã trên 05 năm, hành vi phạm tội mới của bị cáo Vi Văn C thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo Vi Văn C luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C có nơi cư trú rõ ràng; có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Do đó, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

[10] Bị cáo Hoàng Văn T sử dụng 300.000 đồng, các bị cáo Bé Văn H1, Bé Văn C1 sử dụng 200.000 đồng, bị cáo Bé Văn Đ sử dụng 150.000 đồng và bị cáo Phan Văn N sử dụng 90.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bé Văn Đ sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú và tham gia ủng hộ quỹ phòng chống dịch bệnh Covid-19 với số tiền là 700.000 đồng; bị cáo Bé Văn H1 có bố đẻ là Bé Tuấn V (tên gọi khác là Nông Tuấn V) được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba; bị cáo Bé Văn C1 có bố đẻ là Bé Văn T được Nhà nước thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang Hạng ba; bị cáo Phan Văn N có bố là Phan Văn P được Nhà nước tặng Huân chương chiến công Hạng nhì, Huân chương kháng chiến Hạng ba, mẹ là Hoàng Thị Hồng H có Huy chương kháng chiến Hạng nhất và bị cáo Phan Văn N được chủ tịch ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen do có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nên các bị cáo Bé Văn Đ, Bé Văn H1, Bé Văn C1, Phan Văn N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[11] Xét các bị cáo Hoàng Văn T, Bé Văn H1, Bé Văn C1, Bé Văn Đ và Phan Văn N đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, tham gia đánh bạc với vai

trò thứ yếu, số tiền tham gia đánh bạc không nhiều. Hội đồng xét xử thấy rằng, không cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo này mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, cho các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng không gây ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, xuất thân từ thuần nông, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[12] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Lê Văn K, Hoàng Văn T, Bé Văn H1 thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Các bị cáo Bé Văn Q, Bé Văn C, Phan Văn N, Bé Văn H có tài sản, các bị cáo Bé Văn T, Vi Văn C, Bé Văn C1, Bé Văn Đ mặc dù không có tài sản riêng, nhưng các bị cáo bị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo và cải tạo không giam giữ nên vẫn có khả năng lao động tạo thu nhập nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Mỗi bị cáo bị phạt bổ sung với số tiền là 10.000.000 đồng.

[13] Trước khi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thì các bị cáo Bé Văn H1, Hoàng Văn T, Bé Văn T, Bé Văn H, Bé Văn Q, Phan Văn N đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc trái phép ăn tiền bằng hình thức chơi ba cây bằng bộ tứ lơ khơ tại nhà Lê Văn K. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được số tiền các bị cáo dùng đánh bạc nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về vật chứng: Gồm tổng số tiền 10.670.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và thu giữ của các bị cáo; 01 đĩa sứ màu trắng, có họa tiết hoa, miệng đĩa có đường kính 18cm; 01 (một) bát sứ màu trắng, miệng bát có đường kính 11cm; 03 (ba) quân vị làm bằng bìa cứng, có một mặt màu trắng, một mặt có nhiều họa tiết màu xanh, các quân vị hình tròn có đường kính 02cm; 01 tấm bạt có nền màu trắng, một mặt có nhiều hình ảnh và màu sắc, có diện tích 2,65m x 1,9m; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteL, màu đen, có số IMEI1: 35363850050229, số IMEI2: 35363850050237, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 03 quân vị và 01 tấm bạt là công cụ dùng để đánh bạc, có liên quan đến việc phạm tội, không có giá trị cần tịch thu để tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu IteL, màu đen là tài sản hợp pháp của bị cáo Lê Văn K không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 10.670.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[15] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lê Văn K về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội Tổ chức đánh bạc là không phù hợp nên không được chấp nhận, những đề nghị khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận.

[18] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn K.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn C, Bé Văn T; căn cứ vào điểm v khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Vi Văn C.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T, Bé Văn H1; căn cứ vào khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bé Văn H1.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 36, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 291; Điều 293; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn K phạm tội Tổ chức đánh bạc và đánh bạc; các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Hoàng Văn T, Bé Văn H1, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn K 01 (một) năm tù về tội Tổ chức đánh bạc và 06 (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc, tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 16/10/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn K.

2.2. Xử phạt bị cáo Bé Văn H 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Văn H 10.000.000 đồng.

2.3. Xử phạt bị cáo Vi Văn C 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Vi Văn C 10.000.000 đồng.

2.4. Xử phạt bị cáo Bé Văn Q 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Văn Q 10.000.000 đồng.

2.5. Xử phạt bị cáo Bé Văn T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Văn T 10.000.000 đồng.

2.6. Xử phạt bị cáo Bé Văn C 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/02/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Văn C 10.000.000 đồng.

Giao các bị cáo Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn T.

2.8. Xử phạt bị cáo Bé Văn H1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bé Văn H1.

2.9. Xử phạt bị cáo Bé Văn C1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 40 (bốn mươi) ngày tạm giữ, tạm giam bằng 120 (một trăm hai mươi) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Văn C1 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2.10. Xử phạt bị cáo Bé Văn Đ 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Bé Văn Đ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2.11. Xử phạt bị cáo Phan Văn N 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn N 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn H1, Bé Văn Đ, Phan Văn N được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao

các bị cáo Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn H1, Bé Văn Đ, Phan Văn N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn H1, Bé Văn Đ, Phan Văn N.

3. Về vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đĩa sứ màu trắng, có họa tiết hoa, miệng đĩa có đường kính 18cm; 01 (một) bát sứ màu trắng, miệng bát có đường kính 11cm; 03 (ba) quân vị làm bằng bìa cứng, có một mặt màu trắng, một mặt có nhiều họa tiết màu xanh, các quân vị hình tròn có đường kính 02cm; 01 tấm bạt có nền màu trắng, một mặt có nhiều hình ảnh và màu sắc, có diện 2,65m x 1,9m.

3.2. Trả cho bị cáo Lê Văn K: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IteI, màu đen, có số IMEI1: 35363850050229, số IMEI2: 35363850050237, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

3.3. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 10.670.000 đồng (mười triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Lê Văn K, Bé Văn H, Vi Văn C, Bé Văn Q, Bé Văn T, Bé Văn C, Bé Văn H1, Hoàng Văn T, Bé Văn C1, Bé Văn Đ, Phan Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lành Thị Vệ

